

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
MEATLIFE
MASAN MEATLIFE CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom - Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2025
Ho Chi Minh City, August 11th, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HANOI STOCK EXCHANGE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: - *The State Securities Commission*
- *The HaNoi Stock Exchange*

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Name of organization: Masan MEATLife Corporation

Mã cổ phiếu: **MML**

Stock code: MML

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head office address: 10th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Phone: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Authorized person for information disclosure: Mrs. Do Thi Thu Nga

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Type of information disclosure: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Upon Request ☐ Extraordinary ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất bán niên năm 2025 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận**

Disclosed information content: Separated and Consolidated Financial Statements for the first half of 2025 and profit fluctuations explanation Letter.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/08/2025 tại đường dẫn: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn

This information was published on the Company's website on August 11th, 2025, at the following link: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=en

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is truthful and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
REPRESENTATIVE OF MASAN MEATLIFE
CORPORATION**

**Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin
Authorized person for information disclosure**



**ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám Đốc Pháp Lý
Legal Director**



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le	Chủ tịch
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng	Trưởng ban
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
(trước đây là “Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1”)
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 8 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00469-25-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ngày 6 tháng 8 năm 2025



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		705.555.451.175	385.090.244.882
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	121.629.899.284	11.908.040.032
Tiền	111		121.629.899.284	10.685.040.032
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.223.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		583.223.856.990	372.110.381.486
Phải thu của khách hàng	131	8	211.226.942.764	189.165.521.212
Trả trước cho người bán	132		109.849.600	157.492.460
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	225.000.000.000	136.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	160.646.192.531	60.689.438.595
Dự phòng phải thu khó đòi	137	11	(13.759.127.905)	(14.402.070.781)
Tài sản ngắn hạn khác	150		701.694.901	1.071.823.364
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		701.694.901	1.071.823.364
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		6.846.154.541.804	6.714.594.217.697
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.990.744.794.826	2.072.074.137.004
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	1.921.000.000.000	2.071.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	69.744.794.826	1.074.137.004
Tài sản cố định	220		1.319.929.579	1.434.108.049
Tài sản cố định hữu hình	221		1.319.929.579	1.434.108.049
Nguyên giá	222		1.891.871.485	1.838.161.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(571.941.906)	(404.053.436)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.853.693.053.353	4.640.957.385.710
Đầu tư vào các công ty con	251	12(a)	5.089.828.300.000	4.849.828.300.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	12(b)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	12(a)	(884.237.970.664)	(856.973.638.307)
Tài sản dài hạn khác	260		396.764.046	128.586.934
Chi phí trả trước dài hạn	261		396.764.046	128.586.934
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.551.709.992.979	7.099.684.462.579

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.222.919.072.990	2.112.013.626.600
Nợ ngắn hạn	310		229.744.936.495	122.413.164.599
Phải trả người bán	311	13	26.740.069.474	18.111.930.145
Người mua trả tiền trước	312		293.374.649	293.374.649
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.944.984.298	6.602.361.759
Chi phí phải trả	315	15	82.099.883.875	94.275.412.395
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	116.666.624.199	3.130.085.651
Nợ dài hạn	330		1.993.174.136.495	1.989.600.462.001
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	17	1.991.646.828.995	1.988.075.470.001
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.527.307.500	1.524.992.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.328.790.919.989	4.987.670.835.979
Vốn chủ sở hữu	410	18	5.328.790.919.989	4.987.670.835.979
Vốn cổ phần	411	19	3.290.525.930.000	3.290.525.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.290.525.930.000	3.290.525.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.137.102.965.149	2.137.102.965.149
Lỗ lũy kế	421		(98.837.975.160)	(439.958.059.170)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(439.958.059.170)	(410.382.252.122)
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/ (lỗ sau thuế năm trước)	421b		341.120.084.010	(29.575.807.048)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.551.709.992.979	7.099.684.462.579

Ngày 6 tháng 8 năm 2025


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN

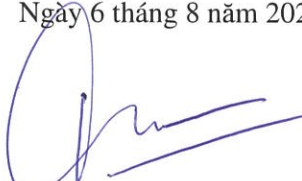
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	21	94.960.950.309	66.137.296.950
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		90.439.000.294	62.911.856.620
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		4.521.950.015	3.225.440.330
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	456.914.916.428	429.898.091.819
Chi phí tài chính	22	23	115.883.701.326	304.003.312.650
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		85.011.484.124	91.190.872.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.433.081.107	3.610.895.674
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		341.120.084.010	125.509.323.825
Chi phí khác	32		-	2.078.926
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32)	40		-	(2.078.926)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		341.120.084.010	125.507.244.899
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		341.120.084.010	125.507.244.899

Ngày 6 tháng 8 năm 2025


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	341.120.084.010	125.507.244.899
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	167.888.470	37.314.365
Các khoản dự phòng	03	27.275.271.607	208.910.609.077
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(456.914.916.428)	(429.898.091.819)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	88.582.843.118	94.762.231.730
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	231.170.777	(680.691.748)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(21.509.367.404)	(10.472.624.536)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(4.934.370.525)	17.362.646.643
Biến động chi phí trả trước	12	101.951.351	(61.780.629)
		(26.110.615.801)	6.147.549.730
Tiền lãi vay đã trả	14	(86.453.935.453)	(102.837.331.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(112.564.551.254)	(96.689.781.884)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(53.710.000)	(1.565.671.167)
Tiền chi cho vay	23	(61.000.000.000)	(125.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	122.500.000.000	226.016.497.299
Tiền chi đầu tư góp vốn	25	(240.000.000.000)	(70.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận được chia	27	287.309.150.506	81.473.386.913
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	108.755.440.506	110.924.213.045

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí phát hành và tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên				31	113.530.970.000	5.650.140.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính				40	113.530.970.000	5.650.140.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)				50	109.721.859.252	19.884.571.161
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ				60	11.908.040.032	12.076.818.067
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)				70	121.629.899.284	31.961.389.228

Ngày 6 tháng 8 năm 2025


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2025: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 12.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 185 nhân viên (1/1/2025: 177 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị. Dự phòng giảm giá đầu tư không được lập khi Công ty đánh giá rằng không có khả năng mất vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện và được xác nhận bởi khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được xác lập.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”), dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(q) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng của tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở thực hiện các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	121.629.899.284	10.685.040.032
Các khoản tương đương tiền	-	1.223.000.000
	<hr/> 121.629.899.284	<hr/> 11.908.040.032

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

8. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	51.236.465.492	56.220.256.989
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	31.118.753.489	25.184.528.848
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	13.520.161.951	12.045.853.956
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	9.027.470.577	4.662.824.265
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	30.376.683.388	41.982.534.302
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	25.631.827.036	20.455.411.631
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	19.240.689.013	8.007.304.021
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	17.237.947.545	6.126.920.051

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	70.000.000.000	70.000.000.000
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	155.000.000.000	66.500.000.000
	<hr/> 225.000.000.000	<hr/> 136.500.000.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	2026	86.000.000.000	150.000.000.000
<i>Bên liên quan khác</i>			
▪ Công ty TNHH Zenith Investment	2027	1.835.000.000.000	1.921.000.000.000
		<hr/> 1.921.000.000.000	<hr/> 2.071.000.000.000

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phân phối lợi nhuận phải thu từ một công ty con	140.000.000.000	-
Phải thu khác từ các công ty con	19.496.439.551	22.421.550.591
Lãi phải thu từ cho vay	1.079.589.041	38.166.480.009
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	-	8.923.932
Phải thu khác	70.163.939	92.484.063
	160.646.192.531	60.689.438.595

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	141.028.829.602	1.053.879.759
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	5.989.978.300	6.521.130.075
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	2.432.486.960	8.141.942.934
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	1.273.633.626	1.563.351.959
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	4.574.908.430	4.691.694.804
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	4.547.056.585	34.723.644.474
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	364.416.552	3.316.927.661
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	364.718.537	575.458.934

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Zenith Investment, một bên liên quan	66.794.000.004	384.200.004
Lãi phải thu từ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn, một công ty con	291.780.822	-
Đặt cọc dài hạn	2.659.014.000	689.937.000
	69.744.794.826	1.074.137.004

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan.

11. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.402.070.781	14.370.544.503
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(473.942.876)	(255.919.140)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(169.000.000)	(300.000.000)
Số dư cuối kỳ	13.759.127.905	13.814.625.363

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Đầu tư tài chính dài hạn****(a) Đầu tư vào các công ty con**

	30/6/2025		1/1/2025	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MEATDeli HN (“Meat Hà Nam”) (*)	100,00%	2.626.000.000.000	100,00%	2.386.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”)	74,99%	985.000.000.000	74,99%	985.000.000.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Farm Nghệ An”)	100,00%	864.000.000.000	100,00%	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”) (*)	51,00%	614.774.300.000	51,00%	614.774.300.000
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”) (**)	99,99%	54.000.000	99,99%	54.000.000
		<u>5.089.828.300.000</u>		<u>4.849.828.300.000</u>

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- (*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản đầu tư này được xác định là có sự suy giảm giá trị, do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này với số tiền là 884.238 triệu VND (1/1/2025: 856.974 triệu VND). Dự phòng cho các khoản đầu tư này được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c).

Biến động trong kỳ của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	856.973.638.307	490.258.885.037
Dự phòng trích lập trong kỳ	27.264.332.357	209.210.609.077
Số dư cuối kỳ	<u>884.237.970.664</u>	<u>699.469.494.114</u>

- (**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, MNS Meat đang trong quá trình giải thể.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	Meat Hà Nam VND	MSJ VND	Farm Nghệ An VND	3F VIỆT VND	MNS Meat VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.386.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	4.849.828.300.000
Tăng trong kỳ	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000
Số dư cuối kỳ	2.626.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	5.089.828.300.000

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cổ phiếu	30/6/2025 % lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Số cổ phiếu	1/1/2025 % lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	20.180.026	24,94%	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Vissan được thành lập tại Việt Nam và hoạt động chính của Vissan là bán buôn thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025.

Không có biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	22.304.834.703	9.565.972.082
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	3.062.978.039	3.062.978.039
Các nhà cung cấp khác	1.372.256.732	5.482.980.024
	<hr/>	<hr/>
	26.740.069.474	18.111.930.145

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	1.616.591.085
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	-	73.513.363
<i>Các bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	22.304.834.703	9.565.972.082
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	3.062.978.039	3.062.978.039
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	18.430.422	16.763.916
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	9.220.795	-
▪ Công ty Cổ phần The CrownX	-	1.612.828.884

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ/ Hoàn lại VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.542.557.340	8.595.098.254	(7.008.665.479)	(2.339.184.065)	2.789.806.050
Thuế thu nhập cá nhân	3.059.804.419	15.371.185.677	(16.594.300.854)	(681.510.994)	1.155.178.248
Thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	6.602.361.759	23.969.283.931	(23.605.966.333)	(3.020.695.059)	3.944.984.298

15. Chi phí phải trả

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	58.732.289.383	60.174.740.712
Thưởng thành tích và lương tháng 13	16.453.877.000	24.025.820.000
Chi phí phải trả khác	6.913.717.492	10.074.851.683
	82.099.883.875	94.275.412.395

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	114.340.960.000	809.990.000
Cổ tức phải trả	700.205.100	700.205.100
Phải trả khác	1.625.459.099	1.619.890.551
	116.666.624.199	3.130.085.651

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Trái phiếu phát hành dài hạn**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(8.333.171.005)	(11.904.529.999)
	1.991.646.828.995	1.988.075.470.001

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	8,575%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các bên liên quan của Công ty nắm giữ 1.244.967 triệu VND (1/1/2025: 1.204.561 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	11.904.529.999	19.047.247.987
Phân bổ trong kỳ	(3.571.358.994)	(3.571.358.994)
Số dư cuối kỳ	8.333.171.005	15.475.888.993



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(410.382.252.122)	4.987.126.813.027
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.850.070.000	2.800.070.000	-	5.650.140.000
	-	-	125.507.244.899	125.507.244.899
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.274.179.470.000	2.128.979.735.149	(284.875.007.223)	5.118.284.197.926
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	16.346.460.000	8.123.230.000	-	24.469.690.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(155.083.051.947)	(155.083.051.947)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(439.958.059.170)	4.987.670.835.979
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	341.120.084.010	341.120.084.010
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(98.837.975.160)	5.328.790.919.989



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	329.052.593	3.290.525.930.000	329.052.593	3.290.525.930.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	329.052.593	3.290.525.930.000	329.052.593	3.290.525.930.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	329.052.593	3.290.525.930.000	329.052.593	3.290.525.930.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong kỳ của vốn cổ phần như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2025		30/6/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Phát hành cổ phiếu	-	-	285.007	2.850.070.000
Số dư cuối kỳ	329.052.593	3.290.525.930.000	327.417.947	3.274.179.470.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	9.906.504.000	2.955.168.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	5.265.480.000	3.124.080.000
	15.171.984.000	6.079.248.000

(b) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.088	26.288.621	1.088	26.288.621

21. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập lợi nhuận được chia từ một công ty con	380.000.000.000	350.000.000.000
Thu nhập lãi	76.914.916.428	79.898.091.819
	456.914.916.428	429.898.091.819

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu	85.011.484.124	91.190.872.736
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	27.264.332.357	209.210.609.077
Chi phí phát hành trái phiếu	3.571.358.994	3.571.358.994
Chi phí khác	36.525.851	30.471.843
	115.883.701.326	304.003.312.650

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	341.120.084.010	125.507.244.899
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	68.224.016.802	25.101.448.980
Chi phí không được khấu trừ thuế	106.288.640	67.967.349
Thu nhập không chịu thuế	(76.000.000.000)	(70.000.000.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	7.669.694.558	44.830.583.671
	-	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	967.768.380.368	193.553.676.074	998.671.363.591	199.734.272.718
Lỗi tính thuế	608.661.605.912	121.732.321.182	539.410.149.899	107.882.029.980
	1.576.429.986.280	315.285.997.256	1.538.081.513.490	307.616.302.698

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	405.181.465.911
2027	Chưa quyết toán	97.584.232.750
2029	Chưa quyết toán	36.644.451.238
2030	Chưa quyết toán	69.251.456.013
		608.661.605.912

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng nếu có có thể là đáng kể.

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cung cấp dịch vụ	27.193.445.659	17.330.652.489
Mua hàng hóa	-	59.784.000
Góp vốn	240.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Cung cấp dịch vụ	12.807.725.537	9.210.887.044
Mua hàng hóa	-	71.064.815
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Lợi nhuận được chia	380.000.000.000	350.000.000.000
Lợi nhuận được chia nhận được	240.000.000.000	70.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	8.675.830.371	6.116.371.082
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	5.494.652.446	4.868.745.521
Thu hồi khoản cho vay	-	9.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	2.776.986.301	2.814.027.397

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	61.000.000.000	125.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	36.500.000.000	125.416.497.299
Thu nhập lãi cho vay	5.607.780.826	8.862.225.559
Cung cấp dịch vụ	14.671.900.996	9.222.513.008
Mua hàng hóa	-	51.938.160
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	4.792.977.227	4.506.835.978
Mua tài sản cố định	-	87.522.360
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01		
Cung cấp dịch vụ	11.036.552.088	8.276.761.395
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Cung cấp dịch vụ	10.287.865.985	6.604.530.433
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí quản lý và công nghệ thông tin (*)	11.577.936.928	12.982.973.038
Mua hàng hóa	11.849.998	4.916.666
Mua tài sản cố định	-	1.424.423.807
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	112.526.697	60.734.751
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	64.942.785	49.341.724
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan		
Thu hồi khoản cho vay	-	91.600.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	68.050.744.004
Công ty TNHH Zenith Investment		
Thu hồi khoản cho vay	86.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	67.287.000.000	-
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage		
Mua hàng hóa	12.498.796	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị giao dịch	
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
30/6/2025	30/6/2024
VND	VND

Nhân sự quản lý chủ chốt ()**

Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt	3.696.502.000	1.979.656.000
--------------------------------------	---------------	---------------

Tại ngày và cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 2024, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Công ty đã trình bày lại các giao dịch của kỳ trước để bao gồm các chi phí trả thay các công ty con cho bên liên quan này để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.
- (**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 2024.


Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH MEATDeli HN	171.676.000.000	187.214.300.667

26. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngày 6 tháng 8 năm 2025


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính
Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc